

Bản án số: 361/2024/DS-PT

Ngày: 31/5/2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các thẩm phán: Ông Đinh Như Lâm

Ông Trương Chí Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 746/2023/TLPT-DS ngày 29/12/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 205/2024/QĐ-PT ngày 12/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2024/QĐ-PT ngày 06/5/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K**

Trụ sở: số F phố Q, phường T, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N - Giám đốc xử lý nợ;

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ Văn Đ, Ông Trần Trọng H, Bà Hoàng Minh T – Cán bộ xử lý nợ; Cùng địa chỉ: Tòa nhà V, số A T, phường T, quận C, Hà Nội (có mặt ông H).

*** Bị đơn: 1. Ông Hoàng Mạnh C, sinh năm 1983**

Trú tại: P T, phường T, quận B, Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Tú A1, sinh năm 1983

Trú tại: B ngõ T, phường Ô, quận Đ, Hà Nội.

Địa chỉ nơi ở: P1502 CT2C chung cư A, phường Ô, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông C, bà Tú A1: Ông Nguyễn Trung N1, sinh năm 1977; Địa chỉ nơi ở: P1603, CT1 V, phường L, quận H, Hà Nội (có mặt ông N1).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Mai Thị B, sinh năm 1957

Trú tại: B ngõ T, phường Ô, quận Đ, Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: P1502 CT2C chung cư A, phường Ô, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thu H1 (con gái bà B), sinh năm 1988; Trú tại: B ngõ T, phường Ô, quận Đ, Hà Nội; Nơi ở hiện nay: P1502 CT2C chung cư A, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. (có mặt chị H1).

2. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Trú tại: A ngõ T, phường Ô, quận Đ, Hà Nội.

Người kháng cáo: ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) trình bày:

Ngày 09/10/2014, Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) và ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD (sau đây viết tắt là “Hợp đồng tín dụng”), với nội dung cơ bản như sau: Số tiền vay: 500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn*); Mục đích vay: Tiêu dùng thế chấp Bất động sản – Mua sắm thiết bị; Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 20/12/2021; Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi như sau: Lãi suất vay áp dụng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày nhận nợ là 9,99%/năm; Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng Lãi suất cơ sở dài hạn của sản phẩm Tiêu dùng thế chấp Bất động sản - Mua sắm thiết bị (+) Biên độ 4,99 %/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được T1 quy định theo từng thời kỳ, tương ứng từng đối tượng khách hàng.

Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 72, tờ bản đồ số: 6G-II-04, tại địa chỉ: A Ngõ T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 819821, MS: 10109115089, số QĐ cấp: 3340/2005/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2005 cho bà Mai Thị B và ông Nguyễn Văn H2; Hợp đồng thế chấp số công chứng 3046/2014/HĐTC, Quyền số 31/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2014 giữa T1

và bà Mai Thị B, ông Nguyễn Văn H2 tại Văn phòng C1, thành phố Hà Nội (gọi tắt là “Hợp đồng thế chấp”); đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng: Ngày 20/12/2014 Ngân hàng TMCP K (T1) đã thực hiện giải ngân cho ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 số tiền 500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 và Khế ước nhận nợ số LTK20146801 ngày 20/12/2014, cụ thể: Tính đến ngày 25/4/2023, ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 đã trả cho T1 tổng số tiền là: 497.303.303 đồng (bao gồm: 377.625.052 đồng nợ gốc và 119.650.251 đồng nợ lãi); Dư nợ tạm tính của ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 tại T1 đến ngày 25/4/2023 như sau: Nợ gốc là 127.400.000 đồng; Nợ lãi là 287.828.405 đồng; Tổng nợ là 415.228.405 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1); Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và yêu cầu Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 thanh toán toàn bộ khoản vay tuy nhiên ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 không thực hiện; Ngày 02/06/2022 T1 đã gửi Công Văn số 2521-03/2022/XLN-TCB thông báo về việc khởi kiện tới ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1. Tính đến ngày 03/07/2023, ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 đã trả cho T1 tổng số tiền là: 497.303.303 đồng (bao gồm: 377.625.052 đồng nợ gốc và 119.650.251 đồng nợ lãi).

Dư nợ tạm tính của ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 tại T1 đến ngày 03/07/2022 như sau: Nợ gốc là 122.347.948 đồng; Nợ lãi là 225.486.746 đồng (trong đó lãi trong hạn là 123.278.201 đồng; lãi quá hạn là 102.208.545 đồng). Tổng nợ là 347.834.694 đồng.

Ngân hàng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi lãi phạt chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 23/8/2023, ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 351.145.046 đồng bao gồm nợ gốc phải trả là 122.343.948 đồng, lãi trong hạn là 123.278.201 đồng, lãi quá hạn là 105.518.897 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội buộc ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 các khoản sau:

- Buộc ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) tổng số tiền gốc và lãi tính đến

ngày 23/8/2023, ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 351.145.046 đồng bao gồm nợ gốc phải trả là 122.343.948 đồng, lãi trong hạn là 123.278.201 đồng, lãi quá hạn là 105.518.897 đồng. - Buộc ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 09/10/2014 cho đến khi tất toán khoản vay.

- Trong trường hợp ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 72, tờ bản đồ số: 6G-II-04, tại địa chỉ: A Ngõ T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 819821, MS: 10109115089, số QĐ cấp: 3340/2005/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2005 cho bà Mai Thị B và ông Nguyễn Văn H2; Hợp đồng thế chấp số công chứng 3046/2014/HĐTC, Quyền số 31/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2014 giữa T1 và bà Mai Thị B, ông Nguyễn Văn H2 tại Văn phòng C1, thành phố Hà Nội (gọi tắt là “*Hợp đồng thế chấp*”); đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 tại T1, thì T1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 tại T1.

*Bị đơn là Ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1; Ủy quyền cho ông Nguyễn Trung N1 trình bày: Ông C và bà Tú A1 xác nhận ký kết đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 (gọi tắt là “*Hợp đồng tín dụng*”) và Khế ước nhận nợ số LTK20146801 ngày 20/12/2014 với các nội dung sau:

- + Số tiền vay: 500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Tiêu dùng thế chấp Bất động sản - Mua sắm thiết bị;
- + Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên;
- + Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 20/12/2021;
- + Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi như sau:

Lãi suất vay áp dụng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày nhận nợ là 9,99%/năm; Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng Lãi suất cơ sở dài hạn của sản phẩm Tiêu dùng thế chấp Bất động sản - Mua sắm thiết bị (+) Biên độ 4,99 %/năm nhưng không thấp

hơn lãi suất cho vay tối thiểu được T1 quy định theo từng thời kỳ, tương ứng từng đối tượng khách hàng.

Tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ tín dụng của ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 tại T1 trên là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 72, tờ bản đồ số: 6G-II-04, tại địa chỉ: A Ngõ T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 819821, MS: 10109115089, số QĐ cấp: 3340/2005/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2005 cho bà Mai Thị B và ông Nguyễn Văn H2.

Tính đến ngày 25/4/2023, ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 đã trả cho T1 tổng số tiền là: 497.303.303 đồng (bao gồm: 377.625.052 đồng nợ gốc và 119.650.251 đồng nợ lãi); Dư nợ tạm tính đến ngày 25/4/2023 là: nợ gốc là 122.347.948 đồng, nợ lãi là 341.151.495 đồng, tổng nợ là 463.499.443 đồng.

Tính đến ngày 03/07/2023, ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 đã trả cho T1 tổng số tiền là: 497.303.303 đồng (bao gồm: 377.625.052 đồng nợ gốc và 119.650.251 đồng nợ lãi); Nay với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, bị đơn sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc nêu trên là 122.347.948 đồng nhưng do làm ăn khó khăn, do dịch bệnh covid-19, trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng phát sinh trường hợp bất khả kháng nên cho bị đơn, gia đình được miễn toàn bộ lãi quá hạn và xin trả trong thời hạn chậm nhất là ngày 31/12/2023. Đối với số lãi nguyên đơn đưa ra bị đơn chưa chấp nhận lý do chúng tôi chưa có cơ sở tính toán theo như mức lãi ngân hàng quy định.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Bà Nguyễn Thu H1 (được bà B ủy quyền) trình bày: Bà xác nhận có ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 72, tờ bản đồ số: 6G-II-04, tại địa chỉ: A Ngõ T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 819821, MS: 10109115089, số QĐ cấp: 3340/2005/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2005 cho bà Mai Thị B và ông Nguyễn Văn H2. Hợp đồng thế chấp số công chứng 3046/2014/HĐTC, Quyền số 31/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2014 giữa T1 và bà Mai Thị B, ông Nguyễn Văn H2 tại Văn phòng C1, thành phố Hà Nội đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Chúng tôi thống nhất quan điểm với bị đơn. Nay với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, bị đơn xin trả gốc và lãi trong hạn.

- Ông Nguyễn Văn H2 trình bày: Ông là bố của chị Nguyễn Thị Tú A1, năm 2014 chị Tú A1 có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1); chị Tú A1 và anh Hoàng Mạnh C sau đây có nhờ ông và vợ cũ là bà Mai Thị B

ký hợp đồng thế chấp tài sản là nhà đất tại số A ngõ T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 819821, MS: 10109115089, số QĐ cấp: 3340/2005/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2005 cho bà Mai Thị B và ông Nguyễn Văn H2, ông bà đã làm thủ tục thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Nay ngân hàng khởi kiện ông đề nghị chị Tú A1 và anh C có trách nhiệm trả nợ và bàn giao tài sản cho ông. Ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích cho ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

*Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối lỗi phạt chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) đề nghị Tòa án buộc:

-. Ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) tính đến ngày xét xử 23/8/2023 tổng số tiền 351.145.046 đồng bao gồm nợ gốc phải trả là 122.343.948 đồng, lãi trong hạn là 123.278.201 đồng, lãi quá hạn là 105.518.897 đồng;.

- Kể từ ngày 24/8/2023, Ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 tiếp tục phải chịu tính lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận hai bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 (gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) và Khế ước nhận nợ số LTK20146801 ngày 20/12/2014 và cam kết trả nợ cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1).

- Trong trường hợp ông H3 mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ nghĩa khoản nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh được quy định tại Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng; Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 72, tờ bản đồ số: 6G-II-04, tại địa chỉ: A Ngõ T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 819821, MS: 10109115089, số QĐ cấp: 3340/2005/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2005 cho bà Mai Thị B và ông Nguyễn Văn H2; Hợp đồng thế chấp số công chứng 3046/2014/HĐTC, Quyền số 31/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) và bà Mai Thị B, ông Nguyễn Văn H2 tại Văn phòng C1, thành phố Hà Nội (gọi tắt là “Hợp đồng thế chấp”); đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Diện tích quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

- Toàn bộ số tiền từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 đối với Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1). Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1).

- Đối với số tiền 5.377.000 đồng mà tại phiên tòa, ông N1 có yêu cầu hội đồng xét xử xem xét trừ số tiền trên mà ông C và bà Tú A1 đã trả phải được trừ vào nợ gốc, Ngân hàng có ý kiến: Số tiền trên là nợ lãi phạt phải trả mà ông C, bà Tú A1 đã tự nguyện trả vào thời điểm khoản nợ chưa quá hạn và chưa chuyển nợ xấu theo, đây là sự tự nguyện theo thỏa thuận của ông C, bà Tú A1 đã ký kết theo Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 và Khế ước nhận nợ số LTK20146801 ngày 20/12/2014, các bên đã có ý chí tự nguyện thực hiện và sau khi thực hiện, các bên không có bất kỳ khiếu nại nào. Theo Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, số tiền lãi phạt trên được thu vào thời điểm khoản nợ chưa bị quá hạn và chưa chuyển nợ xấu, việc thu nợ được thực hiện trên thỏa thuận của các bên theo Hợp đồng tín dụng mà không phải thu vào nợ gốc trước, nợ lãi sau. Tại các phiên hòa giải, ông C, bà Tú A1 không có bất kỳ yêu cầu phản tố nào liên quan đến số tiền trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trên của bị đơn.

* Bị đơn: Ông Hoàng Mạnh C và Nguyễn Thị Tú A1 vắng mặt; Người được ủy quyền ông Nguyễn Trung N1 có ý kiến: Vẫn giữ nguyên ý kiến của mình tại các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn xin trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, xin miễn toàn bộ lãi quá hạn vì làm ăn khó khăn do dịch bệnh covid-19, trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng phát sinh trường hợp bất khả kháng nên ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện không tính lãi phạt và lãi quá hạn cho ông C, bà Tú A1; Tại phiên tòa, ông N1 yêu cầu T1 trừ số tiền 5.377.000 đồng mà ông C và Tú A1 đã trả vào lãi phạt được trừ vào số tiền gốc phải trả cho Ngân hàng (tính từ thời điểm 21/1/2015 cho đến 31/12/2016). Vì vậy, ông đề nghị HĐXX yêu cầu của T1 buộc ông C, bà Tú A1 phải thanh toán cho T1 tính đến ngày xét xử 23/8/2023 tổng số tiền 351.145.046 đồng bao gồm nợ gốc phải trả là 122.343.948 đồng, lãi trong hạn là 123.278.201 đồng, lãi quá hạn là 105.518.897 đồng;

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H2, bà Mai Thị B vắng mặt; Bà Nguyễn Thị Thu H4 người được bà Mai Thị B ủy quyền giữ nguyên ý kiến tại các buổi làm việc tại Tòa với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, và có ý kiến giống như ông N1 đã trình bày ở trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 179/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ các Điều 317, Điều 320; 322; 323; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/01/2010 (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012) của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ một phần đơn khởi kiện của Ngân Hàng Thương mại cổ phần K (T1) đối với yêu cầu buộc ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 phải thanh toán lãi phạt chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng Thương mại cổ phần K (T1) đối với ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1.

2. Ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 phải trả nợ cho Ngân Hàng Thương mại cổ phần K(T1) bao gồm nợ gốc phải trả là 122.343.948 đồng, lãi trong hạn là 123.278.201 đồng, lãi quá hạn là 105.518.897 đồng; Tổng số tiền 351.145.046 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 và Hợp đồng khế ước nhận nợ số số LTK20146801 ngày 20/12/2014;

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 23/8/2023) ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trong trường hợp ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân Hàng Thương mại cổ phần K (T1) có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 72, tờ bản đồ số: 6G-II-04 (theo diện tích thực tế tại thời điểm thi hành án), tại địa chỉ: A Ngõ T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 819821, MS: 10109115089, số QĐ cấp: 3340/2005/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2005 cho bà Mai Thị B và ông Nguyễn Văn H2; Hợp đồng thế chấp số công chứng 3046/2014/HĐTC, Quyền số

31/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2014 giữa T1 và bà Mai Thị B, ông Nguyễn Văn H2 tại Văn phòng C1, thành phố Hà Nội (gọi tắt là “Hợp đồng thế chấp”); đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền thiếu.

4. Về án phí: ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 phải chịu án phí 17.557.252 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần K (T1) không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.300.000 đồng theo biên lai số 0007709 ngày 19 tháng 04 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm đã quyết định không đúng số tiền gốc và tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Nguyễn Trung N1 là đại diện ủy quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo; Chị Nguyễn Thu H4 là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị B: nhất trí với trình bày của ông Nguyễn Trung N1.

Ông Nguyễn Trung N1 xác định việc ngân hàng trình bày số nợ gốc, nợ lãi mà bị đơn đã trả cho ngân hàng là đúng. Tuy nhiên, số tiền 5.377.000 đồng mà ngân hàng đã trừ của bị đơn tính là lãi phạt thì không đúng. Ông N1 yêu cầu trừ số tiền này vào tiền gốc. Do vậy dẫn đến hậu quả là phải tính lại số tiền gốc, tiền lãi cho đúng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

*Về thủ tục: Bị đơn ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận về hình thức.

*Xét kháng cáo của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền xét xử: Ngân hàng TMCP K khởi kiện đối với bà ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ông Hoàng Mạnh C có địa chỉ cư trú tại: P T, phường T, quận B, Hà Nội. Nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về việc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H2: Đây là phiên tòa mở lần thứ hai ông H2 vắng mặt nên hội đồng xét xử vụ án theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bị đơn phải trả lãi phạt chậm trả, phạt vi phạm hợp đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2.1]. Xét Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 và yêu cầu trả nợ gốc, lãi.

[2.1.1]. Ngày 09/10/2014, Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1) và ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD (sau đây viết tắt là “Hợp đồng tín dụng”), với nội dung cơ bản như sau: Số tiền vay: 500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn*); Mục đích vay: Tiêu dùng thế chấp Bất động sản – Mua sắm thiết bị; Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 20/12/2021; Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi như sau: Lãi suất vay áp dụng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày nhận nợ là 9,99%/năm; Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng Lãi suất cơ sở dài hạn của sản phẩm Tiêu dùng thế chấp Bất động sản - Mua sắm thiết bị (+) Biên độ 4,99 %/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được T1 quy định theo từng thời kỳ, tương ứng từng đối tượng khách hàng.

Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD được ký kết tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không vi phạm điều cấm của xã hội. Do vậy, hợp đồng trên hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010 nên hợp đồng có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 đã thanh toán được số tiền 497.303.303 đồng (trong đó nợ gốc đã trả là: 377.625.052 đồng và 119.650.251 đồng nợ lãi); Sau đó ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận về việc trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định của pháp luật và thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng cho vay số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014; Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và yêu cầu Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 thanh toán toàn bộ khoản vay. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 vẫn không thực hiện. Theo ngân hàng trình bày, tính đến ngày 23/8/2023, ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 351.145.046 đồng bao gồm nợ gốc phải trả là 122.343.948 đồng, lãi trong hạn là 123.278.201 đồng, lãi quá hạn là 105.518.897 đồng.

Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc tính đến 23/8/2023 số tiền: 122.343.948 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.2] Xét về lãi suất mà hai bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 và Khế ước nhận nợ số LTK20146801 ngày 20/12/2014

* Đối với khoản lãi trong hạn và lãi quá hạn:

Tại mục 1.4.2 Điều 1 của Hợp đồng: Phương thức tính lãi của khoản vay được tính hàng tháng trên cơ sở một năm 360 ngày hoặc một tháng 30 ngày tính trên lãi suất, dư nợ gốc thực tế và thời hạn vay thực tế theo dương lịch hoặc một phương thức khác theo thỏa thuận của các bên.

Tại mục 7 lãi suất cho vay của khế ước nhận nợ: ... a)lãi suất vay áp dụng trong thời gian 6 tháng kể từ ngày nhận nợ là 9,99%/năm; b) lãi suất áp dụng đối với khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh 01 tháng một lần vào các ngày 15 hàng tháng và lãi suất cơ sở dài hạn của sản phẩm tiêu dùng thế chấp bất động sản- Mua sắm thiết bị (+) biên độ 4,99%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất vay tối thiểu được T1 quy định theo từng thời kỳ, tương ứng từng đối tượng khách hàng...

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ 28/7/2023, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thừa nhận bị đơn đã trả được cho ngân hàng 377.652.052 đồng nợ gốc và 119.650.251 đồng nợ lãi. Ông C, bà Tú A1 còn dư nợ T1 tạm tính đến ngày 03/7/2023: nợ gốc là: 122.347.948 đồng, nợ 225.486.746 đồng. Bị đơn xin miễn giảm toàn bộ số nợ lãi quá hạn và trả số nợ gốc chậm nhất 31/12/2023. Xét, bị đơn đã thừa nhận khoản nợ gốc, khoản nợ lãi đối với T1 nên có cơ sở để Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định tạm tính đến ngày 23/8/2023 là: lãi trong hạn là 123.278.201 đồng, lãi quá hạn là 105.518.897 đồng.

Đối với yêu cầu của bị đơn kháng cáo xem xét trừ số tiền 5.377.000 đồng mà ông C và Tú A1 đã trả vào lãi phạt được trừ vào số tiền gốc phải trả. Xét, số tiền lãi phạt trên được thu vào thời điểm khoản nợ chưa phát sinh tranh chấp và chưa chuyển nợ xấu, số tiền trên là lãi phạt ông C, bà Tú A1 phải trả trên số tiền lãi đến hạn chưa trả của ông C, bà Tú A1. Tuy nhiên, hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 được ký kết và giải ngân vào thời điểm trước khi Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 có hiệu lực pháp luật vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 nên các bên không được thỏa thuận về phạt chậm trả lãi trong hạn. Đối với số tiền phạt chậm trả lãi 5.377.000 đồng mà bên vay, bên cho vay thống nhất bên vay đã trả cho bên cho vay sẽ được tính lại và trừ vào tiền lãi quá hạn theo mục 6.2 Điều 6 hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014: *“Việc thanh toán nợ của khách hàng cho T1 thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: (i) Trả các khoản phải thu, phí và lệ phí, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các khoản phải thu khác; các khoản phí và chi phí dịch vụ thuê ngoài (nếu có), (ii) Trả lãi quá hạn, (iii) Trả lãi trong hạn, (iv) Trả nợ gốc quá hạn, và (v) Trả nợ gốc trong hạn”*.

Như vậy, tính đến ngày 23/8/2023, số tiền lãi quá hạn bị đơn còn nợ nguyên đơn được xác định lại như sau: 105.518.897 đồng - 5.377.000 đồng = 100.141.897 đồng.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định lại số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

- **Nợ gốc: 122.343.948 đồng.**
- **Nợ lãi trong hạn: 123.278.201 đồng.**
- **Nợ lãi quá hạn: 100.141.897 đồng.**
- Tổng cộng: 345.764.046 đồng**

[2.2]. Xét Hợp đồng thế chấp số công chứng 3046/2014/HĐTC, Quyền số 31/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2014 giữa Ngân hàng TMCP K-Chi nhánh H5-Phòng G (bên nhận thế chấp) và bà Mai Thị B, ông Nguyễn Văn H2 (bên thế chấp) tại Văn phòng C1, thành phố Hà Nội và yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn:

Theo hợp đồng thế chấp: Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 72, tờ bản đồ số: 6G-II-04, tại địa chỉ: A Ngõ T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội; diện tích 34,5m²; trên đất có nhà xây gạch 01 tầng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 819821, MS: 10109115089, số QĐ cấp: 3340/2005/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2005 cho bà Mai Thị B và ông Nguyễn Văn H2; Tại Điều 3 hợp đồng quy định: Bên thế chấp đồng ý thế chấp toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho toàn bộ các nghĩa vụ của bên được bảo đảm (ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1) đối với T1. Nghĩa vụ được bảo đảm với T1 bao gồm: Mọi nghĩa vụ của bên được bảo đảm bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả

nợ gốc, lãi, lãi quá hạn, phí, lệ phí, chi phí, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ khác phát sinh theo quy định tại các Hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm: Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 giữa khách hàng và T1...

Việc xử lý tài sản thế chấp quy định tại Điều 9 Hợp đồng thế chấp: Tài sản thế chấp sẽ được xử lý khi xảy ra một trong các trường hợp sau: Khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên được bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ...

Hợp đồng thế chấp đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 343, 344, 715 Bộ luật dân sự năm 2005 nên là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K (T1); Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và yêu cầu Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 thanh toán toàn bộ khoản vay tuy nhiên ông Hoàng Mạnh C và bà Nguyễn Thị Tú A1 không thực hiện; Do vậy, trong trường hợp ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân Hàng Thương mại cổ phần K (T1) có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 72, tờ bản đồ số: 6G-II-04; tại địa chỉ: A Ngõ T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 819821, MS: 10109115089, số QĐ cấp: 3340/2005/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2005 cho bà Mai Thị B và ông Nguyễn Văn H2; Hợp đồng thế chấp số công chứng 3046/2014/HĐTC, Quyền số 31/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2014 giữa T1 và bà Mai Thị B, ông Nguyễn Văn H2 tại Văn phòng C1, thành phố Hà Nội.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền thiếu.

* Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn về việc xác định lại số nợ lãi quá hạn và sửa một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích trên.

[3]. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau: Ông C, bà Tú A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: **345.764.046 đồng x 5% = 17.288.202 đồng**

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội về cơ bản là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 244, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Các Điều 318, 322, 323, 342, 343, 344, 351, 355, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Thông tư 12 ngày 14.4.2010 của Ngân hàng N2 hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 179/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng Thương mại cổ phần K đối với yêu cầu buộc ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 phải thanh toán lãi phạt chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng Thương mại cổ phần K đối với ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1. Ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 phải trả cho Ngân Hàng Thương mại cổ phần K số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 và khế ước nhận nợ số LTK20146801 ngày 20/12/2014, cụ thể:

- Nợ gốc: 122.343.948 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 123.278.201 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 100.141.897 đồng.

Tổng cộng: 345.764.046 đồng (ba trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm bốn mươi sáu đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của xét xử sơ thẩm (ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/8/2023), ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số LTK201468/HĐTD ngày 09/10/2014 và khế ước nhận nợ số LTK20146801 ngày 20/12/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trong trường hợp ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn nêu trên thì Ngân Hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 72, tờ bản đồ số: 6G-II-04, tại địa chỉ: A Ngõ T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 819821, MS: 10109115089, số QĐ cấp: 3340/2005/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2005 cho bà Mai Thị B và ông Nguyễn Văn H2; Hợp đồng thế chấp số công chứng 3046/2014/HĐTC, Quyền số 31/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2014 giữa Ngân hàng K và bà Mai Thị B, ông Nguyễn Văn H2 tại Văn phòng C1, thành phố Hà Nội.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K.

3. Về án phí: Ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 17.288.202 đồng. Hoàn trả Ngân Hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 10.300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007709 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ba Đình.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo Ông Hoàng Mạnh C, bà Nguyễn Thị Tú A1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại ông Hoàng Mạnh C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008220 ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ba Đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Tuấn Anh